

Bản án số: **65/2018/HSST**

Ngày: **26/03/2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh và Bà Đặng Thị Nhác

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Hồng Hà- Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Lê Đăng Hùng- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/TLST- HS ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST- HS ngày 28/02/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/HSST- QĐ ngày 16/03/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Phú L – SN 1968. ĐKKHKT: Số X phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Ngõ Y phố A, Tổ M, phường B, quận L, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 2/10; Con ông: Nguyễn Phú M (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị X (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị B (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 1995

Tiền án, tiền sự: 06 tiền án, 03 tiền sự (năm 1983, 1984, 1985)

- Án số 286/HSPT ngày 08/8/1988, Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và phải nộp 300 đồng án phí sơ thẩm và 300 đồng án phí phúc thẩm

- Năm 1991, Tòa án nhân dân TP Nha Trang xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân

- Án số 28/HSPT ngày 28/12/1996 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và phải nộp 50.000 đồng án phí sơ thẩm và 50.000 đồng án phí phúc thẩm.

- Án số 127/HSST ngày 05/5/1998, Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm xử 36 tháng tù giam về tội “Chống người thi hành công vụ” và phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự và 62.500 đồng án phí dân sự và phải bồi thường dân sự là 1.250.000 đồng.

- Án số 157/2008/HSST ngày 10/4/2008 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử 07 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản” và phải nộp 50.000 đồng án phí.

- Án số 05/HSST ngày 10/3/2010 của tòa án nhân dân huyện Như Xuân- Thanh Hóa xử 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” và buộc bị cáo phải tiếp tục chấp hành theo bản án số 157. Tổng hợp chung bản án bị cáo phải chấp hành là 8 năm 6 tháng về tội “Cướp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”. Bị án ra trại ngày 07/3/2016

Bị cáo bị bắt tại tạm giam ngày 25/02/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959

Chỗ ở: Số E ngõ F phố A, phường B, quận L, Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 05/11/2016, bà Nguyễn Thị B, SN 1959, trú tại : Số E ngõ F phố A, phường B, quận L, Hà Nội thuê 02 thợ xây là ông Nguyễn Đình Lương, SN 1965 trú tại : Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh và ông Nguyễn Văn Đĩnh, SN 1965 trú tại : phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội về xây tường rào cho bà B tại mảnh đất ở số 99A phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Phú L (là chồng bà B nhưng đã ly thân) đi đến và nói với bà B “có tiền không, cho xin ít tiền” thì B nói là “không có”, L bỏ đi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày L đi xe máy BKS 29M4 - 5679 từ nhà L thuê trọ tại số 7 ngõ 447 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội quay lại chỗ bà B để đòi tiền vì trước đây L có cho bà B vay lãi số tiền 150.000.000 đồng là tiền riêng của L. Khi L đòi tiền thì bà B có trả lời là “ chờ tòa giải quyết ly hôn thì trả”. Sau đó bà B khua tay đuổi L đi thì hai bên xảy ra xô xát cãi nhau. Ngay lúc đó L dùng hai tay cầm lấy tay trái của bà B vặn ngược ra phía sau, bà B vùng vẫy nhưng không vùng ra được. Lúc này L lấy tay phải của mình giữ tay trái của bà B còn tay trái của L móc vào túi quần bên phải của bà B lấy 01 chiếc

điện thoại di động cùng với số tiền trong túi quần của bà B (đây là tài sản riêng của bà B). Sau khi L móc tiền và điện thoại của bà B thì có một số tờ tiền rơi xuống vỉa hè và L cúi xuống để nhặt (hiện L khai số tiền chiếm đoạt là 1.040.000 đồng). Sau đó bà B hô “cướp, cướp” thì L cho tiền và điện thoại của bà B vào túi quần bên trái của mình và đè bà B nằm xuống vỉa hè, cùng lúc này L dùng tay trái của L nhặt 01 viên gạch để trên vỉa hè đập 03 nhát vào vùng mặt và vùng đầu của bà B để bà B không hô hoán nữa. Lúc này có một người đàn ông (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) từ quán cà phê Thực Anh và chị Nguyễn Thị Chinh, SN 1980 (là chủ quán cà phê) cạnh nơi bà B xây tường rào chạy ra can ngăn nên L dùng tay rồi lấy xe máy bỏ đi. Bà B được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang. Ngày 23/11/2016, bà B có đơn trình báo Cơ quan Công an đề nghị xử lý theo pháp luật đối với Nguyễn Phú L.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT công an quận Long Biên đã thu giữ tại hiện trường 01 viên gạch kích thước (10x20) cm. Riêng số tiền L chiếm đoạt của bà B do L đã tiêu sài vào mục đích cá nhân hết nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 31/TTPY ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Trung tâm pháp y sở y tế Hà Nội kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị B như sau :

- Các sẹo vết thương phần mềm 03%
- Vỡ xương gò má thành ngoài hốc mắt phải 10%

Nhiều khả năng các thương tích do vật tày, tày có cạnh gây nên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe : 13% tính theo phương pháp cộng lùi

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66 /KL - HĐ ngày 07/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng

Sau khi phạm tội, Nguyễn Phú L bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 23/02/2017 Cơ quan CSĐT- Công an Quận Long Biên ra quyết định truy nã. Ngày 25/02/2017, Công an Quận Long Biên đã bắt truy nã đối với L. Thu giữ của L 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel và 01 ví da đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị B khai Nguyễn Phú L đã dùng gạch gây thương tích và chiếm đoạt số tiền 15.500.000 đồng nhưng L khẳng định số tiền chiếm đoạt là 1.040.000 đồng. Cơ quan điều tra đã yêu cầu bà B tiến hành đối chất với L theo quy định của pháp luật nhưng bà B đã từ chối việc đối chất. Lời khai các nhân chứng như ông Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Đình Lương (là thợ xây công trình) có chứng kiến việc L dùng gạch gây thương tích cho bà B để chiếm đoạt tiền nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu các nhân chứng không biết. Ngoài lời khai của bà B, không có tài liệu nào khác để chứng minh vì vậy Cơ quan điều tra chỉ đủ căn cứ kết luận Nguyễn Phú L chiếm đoạt số tiền 1.040.000 đồng là có căn cứ.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu đề nghị Nguyễn Phú L phải bồi thường tổn hại về sức khỏe mà chỉ đề nghị các cơ quan pháp luật xử lý L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 247/CT- VKS ngày 05/09/2017 Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo Nguyễn Phú L về hành vi “Cướp tài sản” theo khoản 2 điểm c, đ Điều 133 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Phú L thành khẩn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo L khẳng định chỉ chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B chiếc điện thoại di động và số tiền 1.040.000 đồng chứ không chiếm đoạt số tiền 15.500.000 đồng của bà B

- Người bị hại là bà Nguyễn Thị B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà B vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa trước, bà khẳng định bị cáo L đã chiếm đoạt của bà chiếc điện thoại di động và số tiền 15.500.000 đồng. Bà B đề nghị HĐXX buộc bị cáo L phải trả chiếc điện thoại di động và số tiền 15.500.000 đồng.

Ngoài ra bà B còn yêu cầu bị cáo bồi thường thương tích các khoản gồm:

+ Tiền chi phí đi Bệnh viện 03 lần hết 35.000.000 đồng ở các Bệnh viện Đức Giang 01 lần và Bệnh viện Xanh- pôn 02 lần gồm: Tiền thuốc, phiếu khám bệnh, chụp phim, viện phí...

+ Tiền thuê người phục vụ là bà Phạm Thị Bích Thu và cháu Lương thành Tâm đều trú tại: Tổ 23 phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội từ khi bị thương tích đến nay: 02 người x 5.000.000 đồng/người = 10.000.000 đồng

+ Tiền mất thu nhập hàng tháng là 20.000.000 đồng từ việc chăn nuôi, mua bán chó cảnh từ khi bà bị gây thương tích cho thời điểm xét xử sơ thẩm.

Do bà B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bà B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị như sau:

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Xử phạt Nguyễn Phú L mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù

* Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp nên miễn hình phạt tiền

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Phú L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị B 1.040.000 đồng

* Về yêu cầu đòi bồi thường thương tích: Tại CQĐT và tại phiên toà bà Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường thương tích số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên bà B không xuất trình được các hoá đơn, chứng từ liên quan. CQĐT đã thu thập được bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú xác định bà B có điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang từ ngày 06/11/2016 đến ngày 17/11/2016 với số tiền là 4.839.436 đồng. Ngày 21/11/2017, ngày 05/12/2017 và ngày 31/12/2017, bà B có đến Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn để khám bệnh với tổng số tiền là 950.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền 5.789.436 đồng cho bà B.

Đối với yêu cầu phải thuê 02 người chăm sóc của bà B với mức giá 5.000.000 đồng/người, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận cho bà B thuê một người chăm sóc với mức giá trung bình là 4.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng, cụ thể là 8.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền mất thu nhập thực tế: Bà B xác định bị mất thu nhập là 20.000.000 đồng/ tháng từ việc mua bán chó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định bà B có thu nhập thực tế nhưng không ổn định và không thể xác định được do đó đề nghị áp dụng mức thu nhập trung bình của người lao động cùng loại là 4.000.000 đồng/tháng nhân với 02 tháng, cụ thể là 8.000.000 đồng.

Đề nghị HĐXX, buộc bị cáo L phải bồi thường thương tích cho bà B số tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng

* Xử lý tang vật:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị B 01 điện thoại di động Viettel

Trả lại cho bị cáo L 01 ví da đã qua sử dụng

Tịch thu tiêu huỷ 01 viên gạch màu nâu đỏ kích thước 10 x 20 cm

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại đã xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Người bị hại là bà Nguyễn Thị B có khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên về việc không tổng đạt Bản kết luận điều tra, không thông báo kết luận giám định thương tích cho bà B. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Cơ quan

CSDT- Công an quận Long Biên có tiến hành tổng đạt Bản kết luận điều tra cho bà B nhưng do bà không đồng ý với nội dung nên bà không ký Biên bản thông báo kết luận điều tra. Cơ quan CSDT- Công an quận Long Biên tiến hành lập biên bản làm việc ngày 18/7/2017 có người chứng kiến là bà Đàm Thị Tám. Ngày 07/01/2018, Cơ quan CSDT- Công an quận Long Biên đã lập Biên bản làm việc thể hiện đã thông báo kết luận giám định pháp y ngày 10/01/2017 cho bà B.

Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Phú L tại phiên toà cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người đang bị truy nã, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, biên bản nhận dạng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị B và bị cáo Nguyễn Phú L có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2016. Qua điều tra xác minh được biết bà B và bị cáo L chỉ chung sống với nhau khoảng 01 tháng sau khi đăng ký kết hôn, sau đó mỗi người sống một nơi. Trước khi đăng ký kết hôn bà B và bị cáo L có lập 01 Biên bản thoả thuận ngày 21/03/2016 với nội dung: Bị cáo L và bà B đều xác nhận về phần tài sản chung hai bên không có, bị cáo L cho bà B vay số tiền 150.000.000 đồng và thoả thuận trong thời gian kết hôn nếu một trong hai bên xét thấy không chung sống dẫn đến ly hôn thì bà B phải thanh toán trả cho bị cáo L số tiền trên, ngoài ra không phải thanh toán bất cứ khoản nào khác.

Tại phiên toà ngày 14/11/2017, bà B khai: Năm 2007, bị cáo L đến nhà bà cướp tài sản của bà và bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 7 năm 06 tháng tù. Năm 2016, bị cáo L ra trại tìm đến gặp bà, thấy bà đất rộng nên bảo bà giúp bị cáo L đăng ký kết hôn để bị cáo L đi xin việc, sau 03 tháng sẽ làm thủ tục ly hôn. Lúc đầu bà không đồng ý, sau khi bị cáo L thuyết phục bà đồng ý. Sau 03 tháng bà không thấy bị cáo L nhắc, bà hỏi bị cáo L lại chửi bà, muốn chiếm đoạt tài sản của bà, còn định bóp cổ giết bà.

Như vậy có thể khẳng định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và bị cáo Nguyễn Phú L là hôn nhân trái pháp luật, không dựa trên tình cảm thực sự tự nguyện yêu thương nhau mà có sự giả dối để thực hiện mục đích khác.

Đến tháng 7 năm 2017, bà B làm đơn xin ly hôn bị cáo L tại Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Ngày 28/10/2017, Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành theo đó hai bên xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Đến ngày 11/11/2017, Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho bà B và bị cáo L

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn về việc vay nợ nên khoảng 21 giờ ngày 5/11/2016, bị cáo L đi xe máy từ nhà thuê trọ tại số 7 ngõ 447 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội đến nhà bà B để đòi số tiền 150.000.000 đồng là tiền riêng của bị cáo L cho bà B vay. Khi bị cáo L đòi tiền thì bà B có trả lời là “chờ tòa giải quyết ly hôn thì trả”. Sau đó bà B và bị cáo L hai bên xảy ra xô xát cãi nhau. Ngay lúc đó bị cáo L dùng hai tay cầm lấy tay trái của bà B vặn ngược ra phía sau, bị cáo L lấy tay phải của mình giữ tay trái của bà B còn tay trái của bị cáo L móc vào túi quần bên phải của bà B lấy 01 chiếc điện thoại di động cùng với số tiền trong túi quần của bà B. Sau khi L móc tiền và điện thoại của bà B thì có một số tờ tiền rơi xuống vỉa hè và L cúi xuống để nhặt, bà B hô “cướp, cướp” thì L cho tiền và điện thoại vào túi quần bên trái của mình và đè bà B nằm xuống vỉa hè, L dùng tay trái nhặt 01 viên gạch để trên vỉa hè đập 03 nhát vào vùng mặt và vùng đầu của bà B. Theo bản kết luận giám định pháp y thương tích số 31/TTPY ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Trung tâm pháp y sở y tế Hà Nội kết luận thương tích của bà B là 13% theo phương pháp cộng lùi. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên chiếc điện thoại Viettel đã qua sử dụng bị cáo L chiếm đoạt của bà B có trị giá là 300.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Nguyễn Phú L với tội danh “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Cơ quan bảo vệ pháp luật.

Xét nhân thân bị cáo có 03 tiền sự năm 1983, 1984, 1985 (đã hết thời hiệu), có 06 tiền án trong đó có 05 tiền án đã được xóa án tích, 01 tiền án: Bản án số 157/2008/HSST ngày 10/4/2008 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử 07 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích. Phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo đã được Cơ quan pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn lao sâu vào con đường phạm tội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự do đó giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

*** Hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 133 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Tại Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị B khai bị cáo L chiếm đoạt của bà số tiền 15.500.000 đồng. Cơ quan điều tra cho tiến hành đối chất giữa bà B và bị cáo nhưng bà B từ chối không đối chất. Mặt khác bà B không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền bị cáo chiếm đoạt là 15.500.000 đồng do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà B. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo L khai nhận chỉ chiếm đoạt của bà B số tiền 1.040.000 đồng. Do đó chỉ có cơ sở buộc bị cáo phải bồi thường cho bà B số tiền 1.040.000 đồng.

*** Về yêu cầu đòi bồi thường thương tích:** Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà trước, bà B đều không xuất trình các hoá đơn, chứng từ liên quan đến chi phí khám, chữa bệnh và các chứng cứ liên quan. Bà B khai toàn bộ hoá đơn, chứng từ đã bị thất lạc do Nhà nước cưỡng chế thu hồi đất nên không nộp được cho Toà án

Ngày 07/02/2018, Toà án nhân dân quận Long Biên tiến hành lấy lời khai, bà B yêu cầu bị cáo L bồi thường các khoản gồm:

- Tiền chi phí đi Bệnh viện 03 lần hết 35.000.000 đồng ở các Bệnh viện Đức Giang 01 lần và Bệnh viện Xanh- pôn 02 lần gồm: Tiền thuốc, phiếu khám bệnh, chụp phim, viện phí...

- Tiền thuê người phục vụ là bà Phạm Thị Bích Thu và cháu Lương thành Tâm đều trú tại: Tổ 23 phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội từ khi bị thương tích đến nay: 02 người x 5.000.000 đồng/người = 10.000.000 đồng/tháng

- Tiền mất thu nhập 20.000.000 đồng/tháng từ việc chăn nuôi, mua bán chó cảnh từ khi bà bị gây thương tích cho thời điểm xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bà không yêu cầu bị cáo L bồi thường nào khác.

Tại phiên toà ngày 09/02/2018, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên để yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu CQĐT xác minh các lần đi khám bệnh tại Bệnh viện Đức Giang và Bệnh viện Xanh- Pôn. Thu thập các tài liệu, chứng từ, hoá đơn tiền thuốc, phiếu khám chữa bệnh, tiền viện phí, hồ sơ bệnh án....của bà Nguyễn Thị B. Tiến hành lấy lời khai của bà Phạm Thị Bích Thu và chị Lương Thành Tâm. Tiến hành điều tra làm rõ thu nhập thực tế của bà B là bao nhiêu tiền/tháng.

Ngày 12/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên có công văn trả lời thể hiện Cơ quan điều tra đã yêu cầu bà B xuất trình các hoá đơn, chứng từ liên quan đến

yêu cầu bồi thường nhưng bà B không xuất trình. Theo quy định của pháp luật người bị hại phải có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của mình.

Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự quy định về: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và căn cứ vào các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại gồm: Tiền thuê phương tiện cho người bị thiệt hại đi cấp cứu, tiền thuốc, tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X- quang, chụp cắt lớp, siêu âm, tiền viện phí, tiền mua thuốc bổ...tại Bệnh viện Đức Giang và Bệnh viện Xanh-pôn. Đây là những chi phí hợp lý và được pháp luật quy định. Bà B yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 35.000.000 đồng tuy nhiên bà không xuất trình được các hoá đơn, chứng từ.

Theo các tài liệu CQĐT thu thập được thì bà B có điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang từ ngày 06/11/2016 đến ngày 17/11/2016. Tổng số tiền là 4.839.436 đồng (có bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú kèm theo). Ngày 21/11/2017, ngày 05/12/2017 và ngày 31/12/2017, bà B có đến Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn để khám bệnh với tổng số tiền là 950.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thương tích của bà B đối với tổng số tiền (4.839.436 đồng + 950.000 đồng) là 5.789.436 đồng

Đối với yêu cầu phải thuê 02 người chăm sóc của bà B với mức giá 5.000.000 đồng/người, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là chi phí hợp lý và được pháp luật quy định, tuy nhiên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận cho bà B thuê một người chăm sóc với mức giá trung bình là 4.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng, cụ thể là 8.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền mất thu nhập thực tế: Bà B xác định bị mất thu nhập là 20.000.000 đồng/ tháng từ việc mua bán chó cảnh, Hội đồng xét xử xác định bà B có thu nhập thực tế nhưng không ổn định và không thể xác định được do đó Hội đồng xét xử áp dụng mức thu nhập trung bình của người lao động cùng loại là 4.000.000 đồng/ tháng nhân với 02 tháng, cụ thể là 8.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo L phải bồi thường thương tích cho bà B là 21.789.436 đồng

*** Về xử lý tang vật:**

Trả lại cho chị Nguyễn Thị B 01 điện thoại di động Viettel

Trả lại cho bị cáo L 01 ví da đã qua sử dụng

Tịch thu tiêu huỷ 01 viên gạch màu nâu đỏ kích thước 10 x 20 cm

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, về yêu cầu đòi bồi thường thương tích và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 41,

Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 590 Bộ luật dân sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phú L phạm tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng c, đ khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 106, Điều 135, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

“Xử phạt Nguyễn Phú L **07 (B) năm 09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2017

* **Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Phú L

* **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Phú L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.040.000 đồng (Một triệu bốn mươi nghìn đồng)

* **Về yêu cầu đòi bồi thường thương tích:** Buộc bị cáo Nguyễn Phú L phải bồi thường thiệt hại về thương tích cho bà Nguyễn Thị B là 21.789.436 đồng (Hai mươi một triệu B trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

* **Về xử lý tang vật:**

Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 01 điện thoại di động Viettel

Trả lại cho bị cáo L 01 ví da đã qua sử dụng

Tịch thu tiêu huỷ 01 viên gạch màu nâu đỏ kích thước 10 x 20 cm

Toàn bộ vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên và Chi cục thi hành án quận Long Biên ngày 02/03/2018

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Phú L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.089.471 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại là bà Nguyễn Thị B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- VKS, CA, Chi cục THADS quận Long Biên
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu